

Ngày	<b>10,050 VNĐ</b>		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	<b>-9.0%</b>	<b>0.8%</b>	<b>22.7%</b>

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,800 - 15,150
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,765
Số lượng CPLH (CP)	275,129,141
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,097,860
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	1.99
EPS	44
P/E	226.6

**DT thuần**  
Q4/23

**155**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 88.1 | 131%  
YoY: ▲ 57.7 | 59.1%

**LN trước thuế**  
Q4/23

**14.3**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.97 | 127%  
YoY: ▲ 30.3 | 190%

**LN sau thuế**  
Q4/23

**13.7**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.40 | 33.0%  
YoY: ▲ 23.4 | 242%

**ROA**  
2023

**0.1%**

+/- YoY: ▼ 0.1%

**DT thuần**  
2023

**432**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼834 | -65.8%

**LN trước thuế**  
2023

**9.19**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼35.1 | -79.2%

**LN sau thuế**  
2023

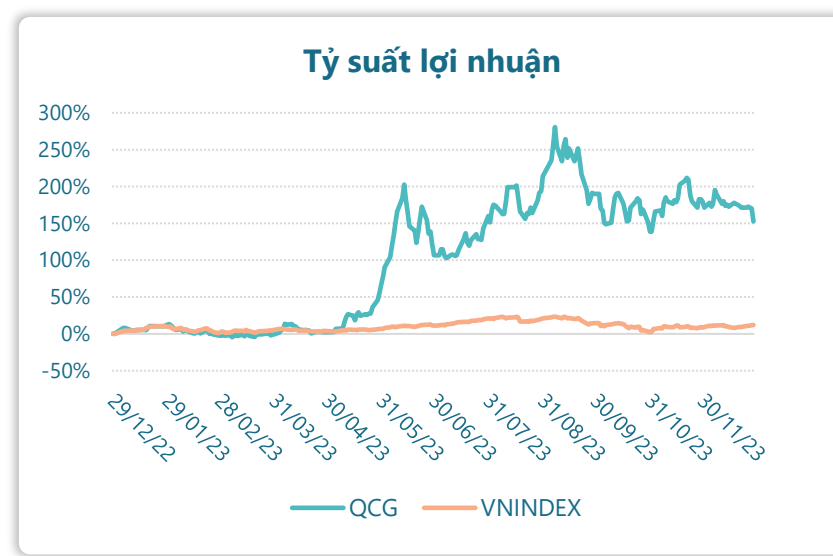
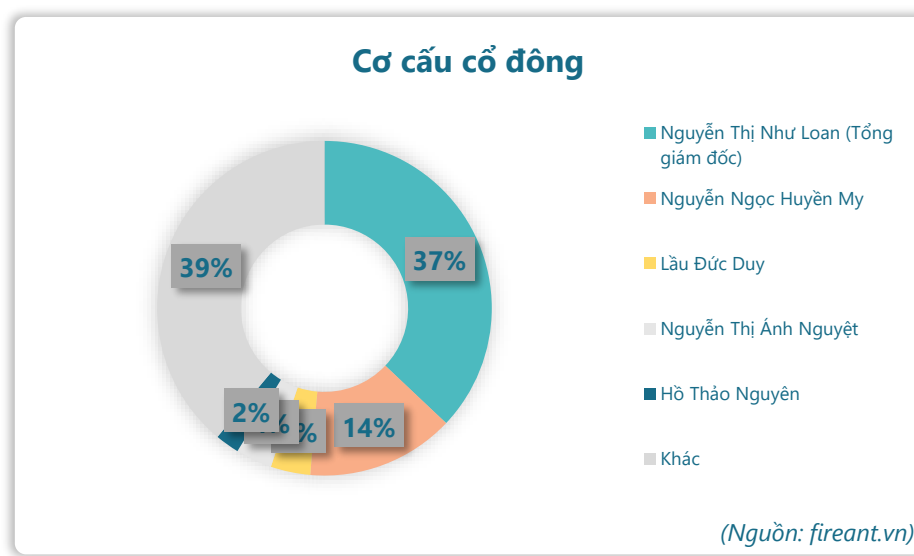
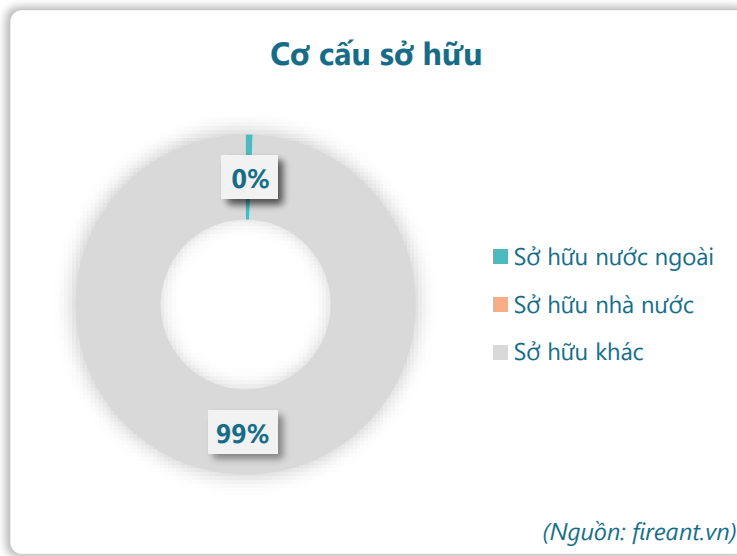
**10.3**  
tỷ VNĐ

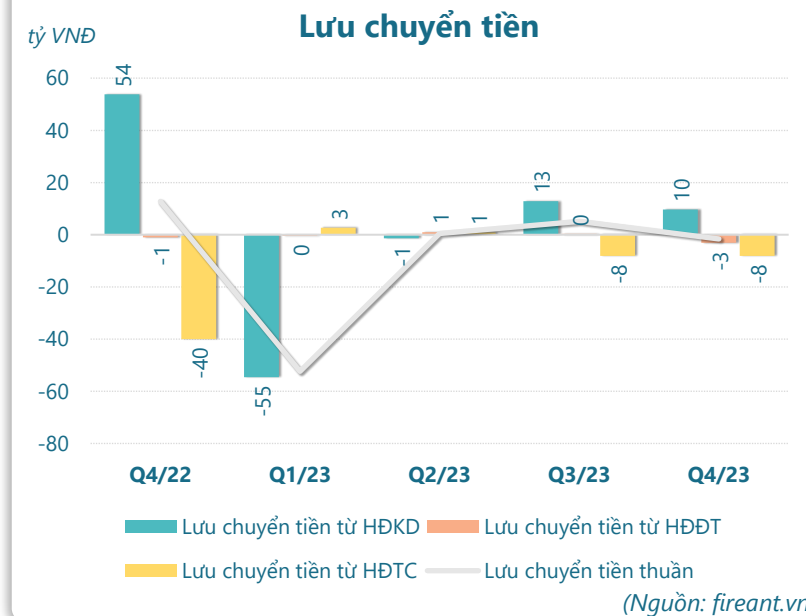
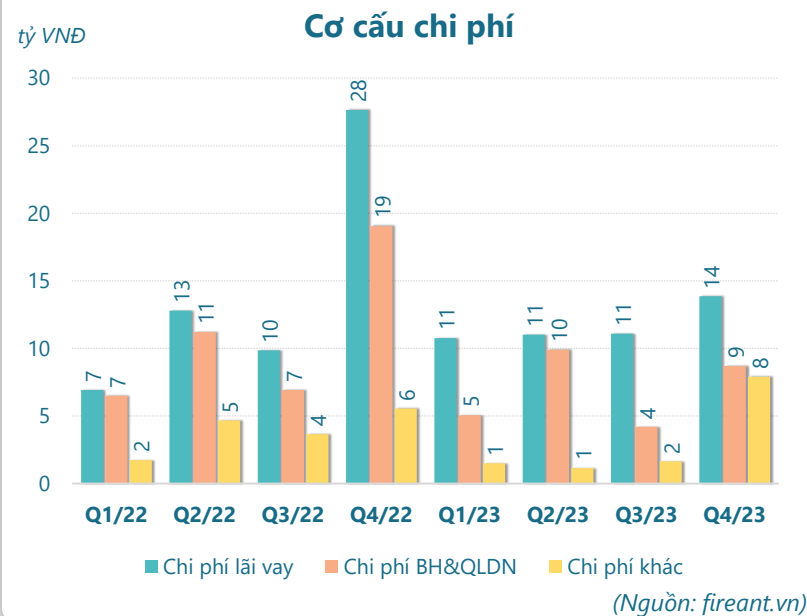
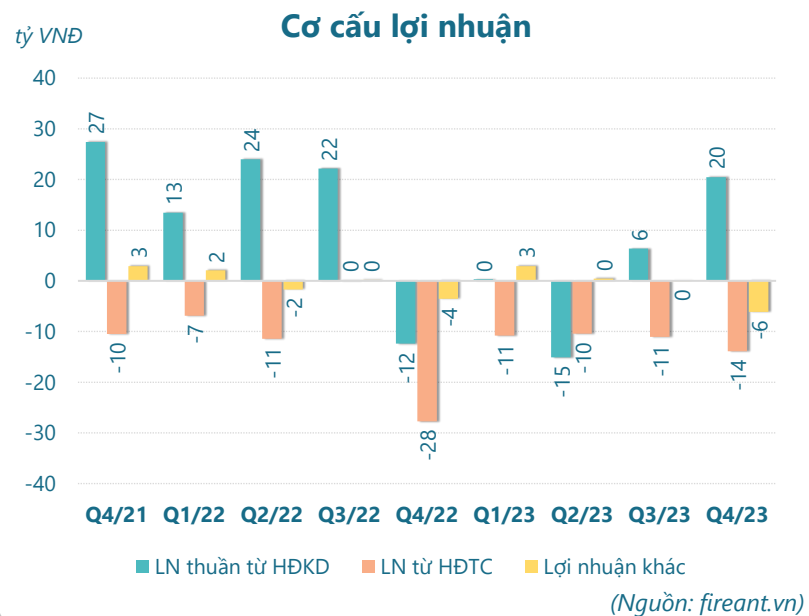
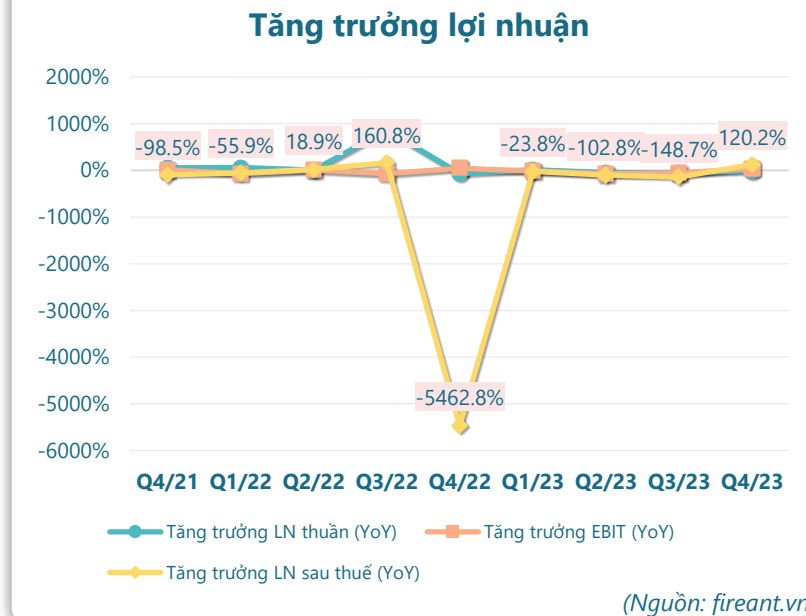
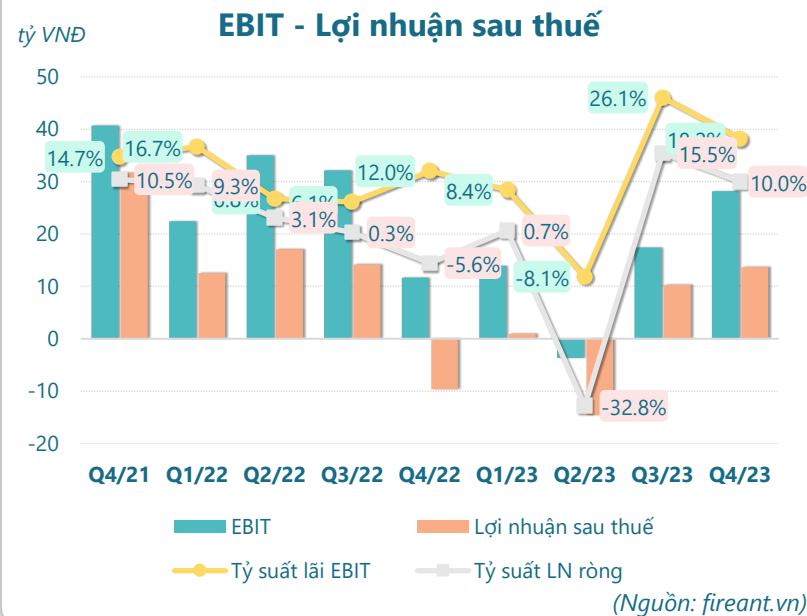
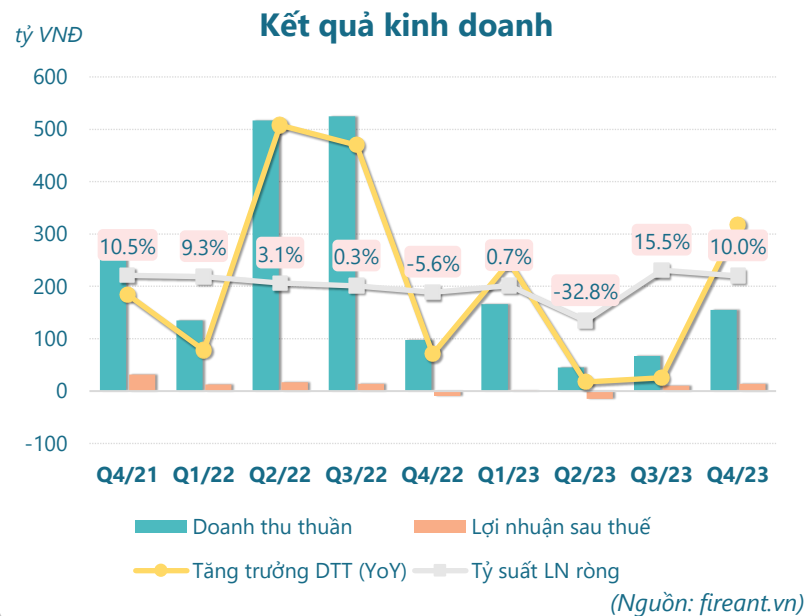
YoY: ▼21.6 | -67.7%

**ROE**  
2023

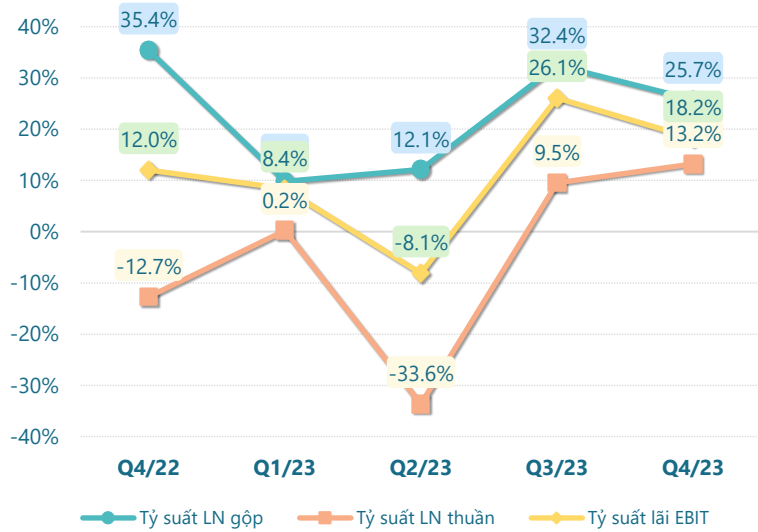
**0.3%**

+/- YoY: ▼ 0.2%



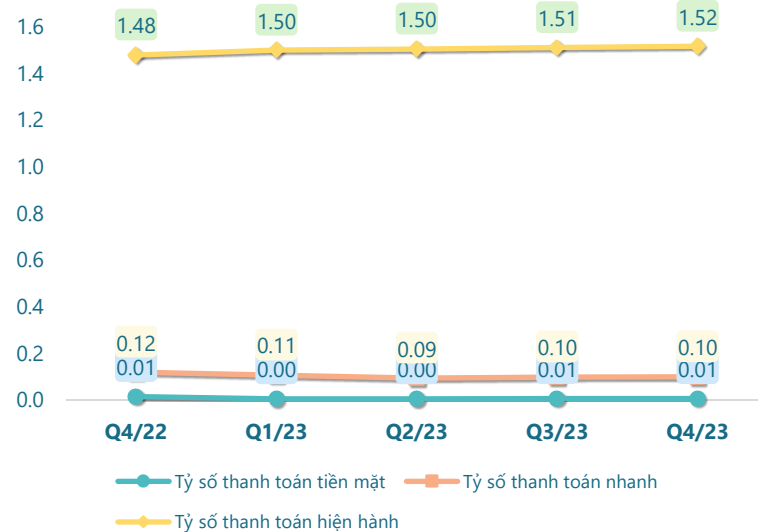


### Tỷ suất lợi nhuận



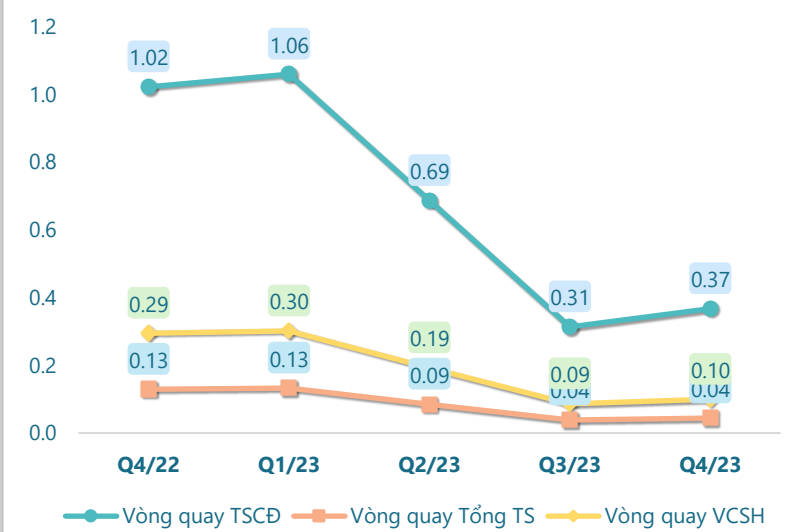
(Nguồn: fireant.vn)

### Chỉ số thanh khoản



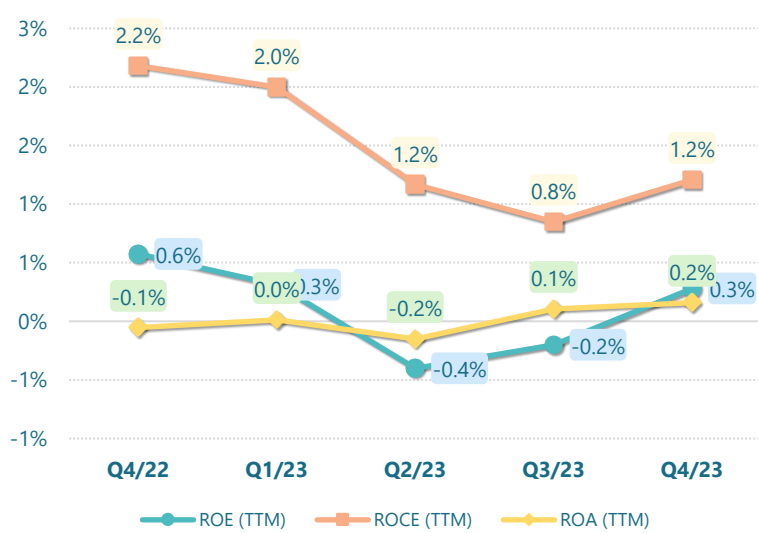
(Nguồn: fireant.vn)

### Vòng quay tài sản



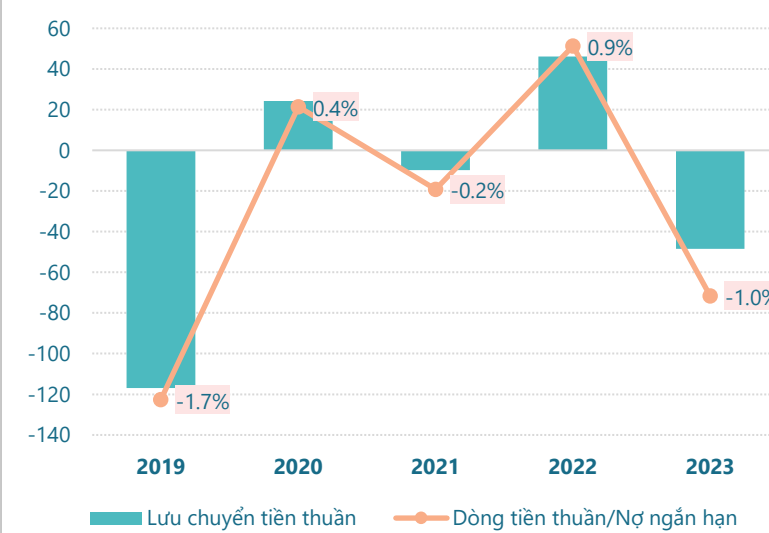
(Nguồn: fireant.vn)

### Tỷ suất sinh lợi



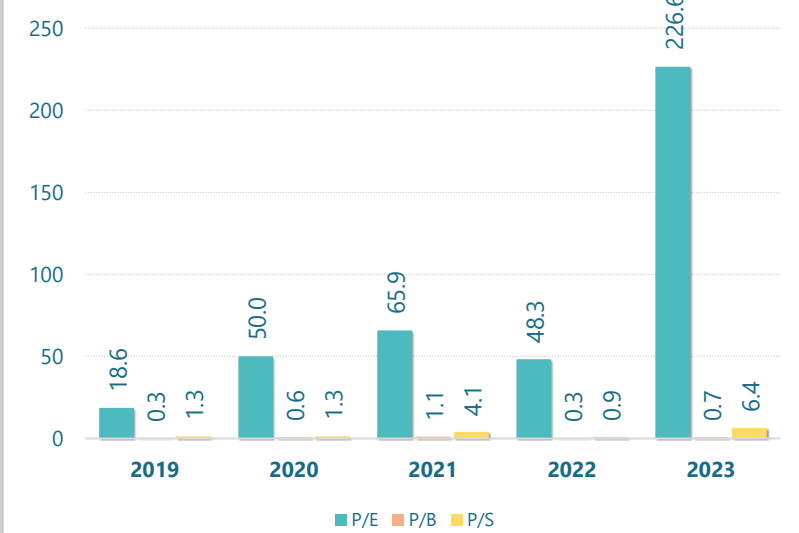
(Nguồn: fireant.vn)

### Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

### Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)